

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HN&GD-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Thị Hạnh.
2. Ông Đoàn Công Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-HN&GD, ngày 25 tháng 4 năm 2022 về ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2022/QĐST-HN&GD, ngày 04/8/2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh TTH, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Số nhà A, đường HTLO, tổ B, khu phố C, thị trấn VX, huyện DL, tỉnh BT. Vắng mặt có lý do.

*2. Bị đơn:* Chị HTTN, sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Số nhà A, đường HTLO, tổ B, khu phố C, thị trấn VX, huyện DL, tỉnh BT. Vắng mặt không có lý do.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 08/4/2022, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của anh TTH thể hiện:

**Về hôn nhân:** Anh và chị N có thời gian tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX, huyện ĐL, giấy chứng nhận kết hôn số 100 quyển số 01, ngày 13/10/2003. Sau khi cưới anh với chị N chung sống hạnh phúc một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N không lo lắng, quan tâm tới tài chính gia đình. Anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị N vẫn cứng đầu, anh thấy đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng. Nay, anh H xác định không còn tình cảm, yêu thương gì với chị N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

**Về con chung:** Quá trình chung sống giữa anh và chị N có với nhau 02 người con chung tên là TPN, sinh ngày 02/02/2004 và TTĐ, sinh ngày 06/11/2005. Về con chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Suốt trong quá trình tố tụng cũng như thời gian chuẩn bị mở phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện ĐL đã thực hiện đầy đủ, hợp lệ các thủ tục tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho chị N. Nhưng chị N đã không tham gia.

Do vụ án không thuộc trường hợp Tòa án phải thực hiện các thủ tục tố tụng để tiến hành thu thập chứng cứ, cũng không có đối tượng tranh chấp thuộc các trường hợp quy định ở khoản 2, Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cho nên phiên tòa không có sự tham gia của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 08/4/2022, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện ĐL theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Ngày 04/8/2022 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ 2. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Anh TTH và chị HTTN tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX. Giấy chứng nhận kết hôn số: 100, quyển số: 01, đăng ký ngày 13/10/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong đời sống hôn nhân, vợ chồng anh H, chị N không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do chị N thường xuyên không ở nhà, không quan tâm đến đời sống gia đình. Cho nên dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng chị N không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Anh H xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với chị N nữa. Nên anh đã nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Trong đơn khởi kiện, anh H không yêu cầu giải quyết về con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa anh TTH và chị HTTN là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của anh H thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử.***

- Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của anh TTH.

1. Về hôn nhân: Anh TTH ly hôn chị HTTN.

2. Về án phí: Anh TTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do anh H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009361, ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL. Anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- UBND thị trấn Võ Xu;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đức**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

